

Số: /BC-UBND

Quy Nhơn, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Về việc đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm,
ước thực hiện cả năm 2024 của Tiểu dự án 2, Dự án 3
Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Kính gửi: Sở Y tế Bình Định

Thực hiện Công văn số 2470/SYT-NVY ngày 02/07/2024 của Sở Y tế về việc đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm 2024 của Tiểu dự án 2, Dự án 3 - Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. UBND thành phố Quy Nhơn báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2024

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

UBND thành phố đã ban hành:

- Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn năm 2024;

- Chỉ đạo Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, các cơ quan, địa phương liên quan phối hợp, triển khai thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

II. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình

1. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

a. Tình hình huy động

| T | Nội dung | Tổng kinh phí được giao | Kinh phí chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 tiếp tục sử dụng | Kinh phí giao năm 2024 | Ghi chú |
|---|----------|-------------------------|--|------------------------|---------|
|---|----------|-------------------------|--|------------------------|---------|

| | | | | | |
|---|----------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--|
| 1 | Nguồn ngân sách trung ương | 770.237.352 | 310.237.352 | 460.000.000 | |
| 2 | Nguồn ngân sách địa phương | 75.106.000 | 6.106.00 | 69.000.000 | |
| | TỔNG CỘNG | 845.343.352 | 316.343.352 | 529.000.000 | |

b. Phân bổ và sử dụng nguồn

| T T | Nội dung | Dự kiến theo Kế hoạch | Ghi chú |
|----------------|----------------------------|------------------------------|---|
| 1 | Nguồn ngân sách trung ương | 34.600.000 | Sử dụng kinh phí chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 tiếp tục sử dụng |
| 2 | Nguồn ngân sách địa phương | 43.600.000 | Sử dụng kinh phí chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 tiếp tục sử dụng và kinh phí năm 2024 |
| | TỔNG CỘNG | 78.200.000 | |

2. Tình hình giải ngân, khả năng thực hiện

| T T | Nội dung hoạt động | Kế hoạch năm | Thực hiện | Khả năng thực hiện 9 tháng | Ước tính cả năm | Lý do không giải ngân hết |
|----------------|---|---------------------|------------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------------------|
| | Hoạt động phòng chống can thiệp dinh dưỡng | 78.200.000 | | | | |
| | 1. Nguồn Kinh phí Trung ương (Tiểu dự án 2, dự án 3) | 34.600.000 | 4.590.000 | 34.090.000 | 34.140.000 | |
| 1.1 | Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh | 180.000 | 30.000 | 90.000 | 120.000 | Do có 1 trẻ ra khỏi |

| | | | | | | |
|-----|--|-----------|--------|-----------|-----------|---|
| | đưỡng cho bà mẹ có trẻ được 2 tuổi | | | | | Chương trình từ tháng 8 |
| 1.2 | Bổ sung vi chất dinh dưỡng, sắt cho các nhóm đối tượng | 5.740.000 | | 5.740.000 | 5.740.000 | |
| 1.3 | Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng | - | - | - | - | |
| 1.4 | Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại trạm y tế xã, phường, thôn | 120.000 | 20.000 | 60.000 | 80.000 | Do có 1 trẻ ra khỏi Chương trình từ tháng 8 |
| 1.5 | Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy | - | - | - | - | |

| | | | | | | |
|--|--|-------------------|----------------|-------------------|-------------------|---|
| | dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học | | | | | |
| 1.6 | Tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo | 3.720.000 | 3.700.000 | 3.700.000 | 3.700.000 | Do có 2 trẻ ra khỏi Chương trình |
| 1.7 | Đảm bảo cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho y tế tuyến huyện, xã, thôn và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp tại cộng đồng | 24.840.000 | 840.000 | 24.500.000 | 24.500.000 | Do ban đầu có dự trù chi phí vận chuyển mua cân, thước đo |
| 2. Nguồn kinh phí đối ứng (nguồn kinh phí địa phương) | | 43.600.000 | 106.000 | 38.296.000 | 43.600.000 | |

| | | | | | | |
|-----|---|------------|---------|------------|------------|--|
| 2.1 | Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện | 13.620.000 | 106.000 | 8.316.000 | 13.620.000 | |
| 2.2 | Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em | 29.980.000 | - | 29.980.000 | 29.980.000 | |

III. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

Đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện mục tiêu chung chung, mục tiêu cụ thể của Chương trình được quy định tại khoản 1, 2 Mục I ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng (SDD) thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

Có Kế hoạch bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ SDD và sắt cho trẻ có kinh nguyệt từ 12-dưới 16 tuổi từ năm 2023 đến nay. Nhìn chung, tỷ lệ SDD của một số trẻ có cải thiện khi được can thiệp các sản phẩm dinh dưỡng. Tuy nhiên, có một số trẻ khác vẫn bị SDD do được thêm vào Chương trình nên chưa được can thiệp kịp thời.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể

Kết quả:

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi: 21,43% (3/14 trẻ)
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi: 7,14% (1/14 trẻ)
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học đường 5-16 tuổi: 2,55% (4/196 trẻ)

Chi tiết cụ thể như sau:

| TT | Nội dung | Năm 2023 | Năm 2024 | So sánh cùng kỳ |
|----|---|----------|----------|-----------------|
| 1 | Số trẻ dưới 5 tuổi | 20 | 14 | ↓6 |
| 2 | Số trẻ 5 – dưới 16 tuổi | 227 | 196 | ↓31 |
| 3 | Số trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thấp còi | 2 | 3 | ↑1 |
| 4 | Số trẻ dưới 5 tuổi bị SDD gầy còm | 3 | 1 | ↓2 |
| 5 | Số trẻ 5 – dưới 16 tuổi bị SDD thấp còi | 6 | 5 | ↓1 |

Nhìn chung, trẻ SDD dưới 5 tuổi bị thấp còi năm 2024 tăng hơn so với năm trước cùng kỳ. Trẻ SDD dưới 5 tuổi bị gầy còm và trẻ 5 – dưới 16 tuổi bị SDD thấp còi giảm.

Nguyên nhân số trẻ vẫn cao hơn năm trước là do có trẻ mới được đưa vào Chương trình và bị mắc SDD (độ tuổi này trẻ chủ yếu tăng trưởng về chiều cao). Mặc khác việc can thiệp bổ sung vi chất thời gian ngắn, một số trẻ vẫn chưa đáp ứng được đặc biệt trẻ SDD thấp còi (SDD mạn tính).

IV. Kết quả thực hiện Tiểu dự án 2- Cải thiện dinh dưỡng

- Kết quả hoạt động tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, mới thoát nghèo:

- + Số trẻ dưới 5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 2 trẻ;
- + Số trẻ 5 – dưới 16 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 4 trẻ;
- + Số bà mẹ có con dưới 2 tuổi được tư vấn, thực hành dinh dưỡng: 2 bà mẹ;
- + Số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng: 0 trẻ;

+ Số trẻ 12- dưới 16 tuổi có kinh nguyệt được bổ sung sắt: 57 trẻ.

- Kết quả giám sát, đánh giá tiến độ Chương trình:

+ Giám sát cân đo 1 đợt 6 phường, xã như sau: Nhơn Hội, Nhơn Châu, Nhơn Hải, Nhơn Lý, Bùi Thị Xuân, Phước Mỹ;

+ Giám sát tư vấn, tổ chức các buổi trình diễn thức ăn cho bà mẹ có con dưới 2 tuổi: xã Phước Mỹ (1/6 lần).

V. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

- Hoạt động của chương trình nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, Thành ủy Quy Nhơn và sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế.

- Các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn so với năm trước.

- Được tập huấn, trao đổi kinh nghiệm giữa các huyện, thị xã, thành phố.

- Có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện Chương trình.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc triển khai chương trình tại một số thôn gặp phải khó khăn do không có nhân viên y tế thôn (vì không đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo của ngành).

- Số đối tượng của chương trình ngày càng giảm, do đó khó triển khai hoạt động theo hướng dẫn.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025

I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2025

“Cải thiện dinh dưỡng” là chương trình đang được các cấp lãnh đạo quan tâm và đặt lên hàng đầu trong giai đoạn 2021-2025 đặc biệt là trong giai đoạn phát triển kinh tế- xã hội hiện nay.

Trong quá trình cập nhật dữ liệu nghèo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn năm 2024 và báo cáo của UBND thành phố ngày 28 tháng 6 năm 2024: Đến năm 2025, thành phố Quy Nhơn phấn đấu không còn hộ nghèo cho thấy số hộ và mẫu trẻ thụ hưởng trên địa bàn thành phố rất ít. Đó cũng là thuận lợi và cũng là thách thức trên địa bàn thành phố về vấn đề can thiệp dinh dưỡng.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi năm 2025.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 năm 2025.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học đường từ 5- dưới 16 tuổi em dưới 5 tuổi năm 2025.

3. Kết quả chủ yếu

Giảm số trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, gầy còm theo đối tượng thụ hưởng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2- Cải thiện dinh dưỡng

- Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Mục tiêu và đối tượng thụ hưởng:

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

| STT | Nội dung hoạt động | Phân bổ vốn, nguồn vốn | Kết quả đầu ra |
|-----|--|------------------------|--|
| | Tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng | 300.000 | Tất cả bà mẹ có con dưới 2 tuổi được TV, THDD |
| | Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi bổ sung vào bữa ăn của trẻ | 5.508.000 | 100% trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị SDD thấp còi được BS đa vi chất |
| | Bổ sung Vitamin A cho trẻ từ 6-60 tháng tuổi, trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ | - | Lồng ghép tất cả các đối tượng theo HD của BHYT trong từng đợt Chiến dịch |

| | | | |
|-------------|---|-------------------|--|
| | trong vòng 01 tháng sau sinh | | |
| | Cung cấp sắt cho trẻ suy dinh dưỡng và trẻ gái vị thành niên | 1.360.000 | 100% các đối tượng thụ hưởng theo Hướng dẫn |
| | Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng | – | 100% trẻ thụ hưởng được can thiệp |
| | Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ | 3.700.000 | 100% trẻ thụ hưởng được cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng |
| | Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn, cán bộ làm công tác dinh dưỡng và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em | – | 100% CBYT, NV được đào tạo năng lực trong công tác dinh dưỡng |
| | Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho phường, xã, thôn, cung cấp các dụng cụ THDD, VTYT, TPBS, tài liệu để triển khai các hoạt động can thiệp cộng đồng | 1.340.000 | 100% phường, xã có đối tượng thụ hưởng được rà soát, cung cấp dụng cụ THDD, tài liệu |
| Tổng | | 12.208.000 | |

- Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu:

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (Trưởng trạm, Chuyên trách dinh dưỡng GNBV, cán bộ NVYT thôn đại diện cộng đồng)

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu:

+ Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

| STT | Nội dung hoạt động | Phân bổ vốn, nguồn vốn | Kết quả đầu ra |
|-------------|--|-------------------------------|-----------------------|
| 1 | Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình | 29.980.000 | |
| 2 | Giám sát, đánh giá | 13.620.000 | |
| Tổng | | 43.600.000 | |

+ Ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp): **12.208.000** đồng.

+ Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp): **43.600.000** đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 0 đồng.

IV. Giải pháp chủ yếu

- Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 16 tuổi:

+ Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ (người chăm sóc trẻ) có con dưới 2 tuổi.

+ Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng.

+ Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng.

+ Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại trạm y tế phường/xã, thôn/khu phố.

+ Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động

thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học .

+ Tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

- Truyền thông về giảm nghèo bền vững thuộc lĩnh vực y tế (Truyền thông dinh dưỡng):

+ Nhận các tài liệu truyền thông do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh cấp để truyền thông tại cộng đồng.

+ Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện chương trình.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm 2024 của Tiểu dự án 2, Dự án 3 - Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.UBND thành phố Quy Nhơn kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- Phòng Y tế TP;
- TTYT TP;
- VP (LĐ+C2);
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phương Nam